

Tên:

Week: 39

Lớp: S2...

Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Đọc HW:

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....







Grammar Revision & Reading and Writing Practice

A. THEORY

I. EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_viet_w39_reading



			
people (n) mọi người	head (n) đầu	inside (prep) bên trong	swimsuit (n) đồ bơi

*Note: n = noun: danh từ; prep = preposition: giới từ.

II. GRAMMAR REVISION: Present continuous (Hiện tại tiếp diễn)

- Cách dùng: Được sử dụng để diễn tả một sự việc hoặc hành động xảy ra ngay lúc chúng ta nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Hành động đang diễn ra: now, right now, at the moment

+ Hành động diễn ra xung quanh thời điểm nói: this week, this month, today

Khẳng định	Câu hỏi Yes/No	Câu trả lời ngắn
I am reading.	Am I reading?	Yes, you are. / No, you aren't.
You are singing.	Are you singing?	Yes, I am. / No, I am not.
We are dancing.	Are we dancing?	Yes, we are. / No, we aren't.
They are writing.	Are they writing?	Yes, they are. / No, they aren't.
He is reading.	Is he reading?	Yes, he is. / No, he isn't.
She is singing.	Is she singing?	Yes, she is. / No, she isn't.
It is dancing.	Is it dancing?	Yes, it is. / No, it isn't.

*Note: 'm = am; 's = is; 're = are; isn't = is not; aren't = are not.

B. CLASSWORK

I. Pre-reading: Look and circle the correct word. (Nhìn hình và khoanh tròn vào từ đúng.)

0.



A. banana

B. orange

1.



A. balloon

B. ball

2.



A. plane

B. train

3.



A. pencil

B. people

4.



A. run

B. swim

5.



A. bird

B. fish

II. Look at the pictures and read the questions. Write one-word answers.

(Nhìn vào các bức tranh và đọc các câu hỏi. Viết câu trả lời bằng một từ.)

STARTERS PART 5 - 5 questions



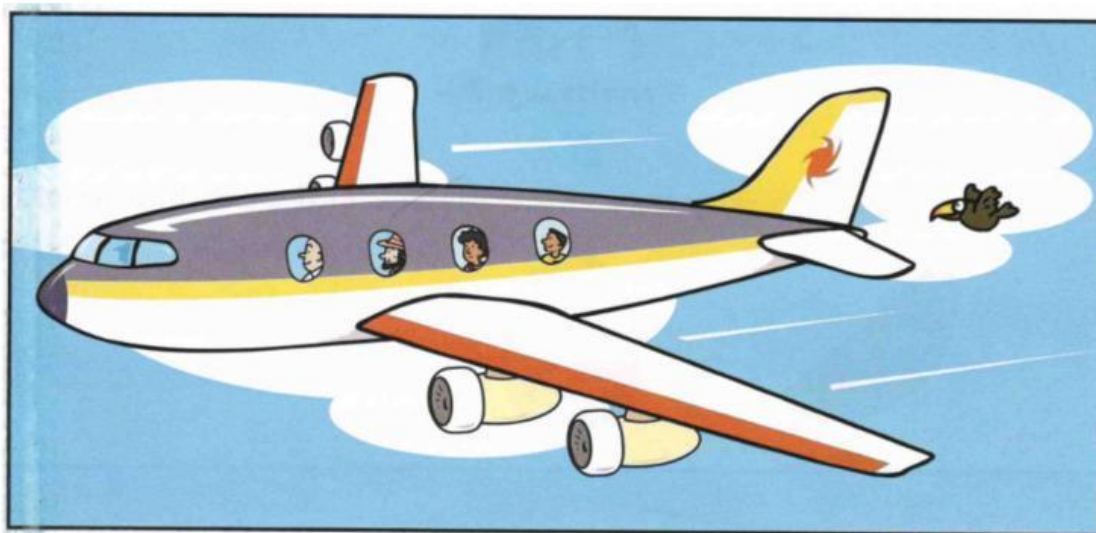
Examples

How many bags are there? four

What is the man eating? a banana

Questions

1. What is the boy playing with? a



2. Where are they now? in a
3. How many people can you see?



4. What are they doing?
5. What is on the man's head? a

C. HOMEWORK

GRAMMAR (17 questions)

Exercise 1. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY: EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Look at the pictures. Tick the correct answers.

(Nhìn tranh. Tích vào đáp án đúng.)

1. What's James doing?

- A. He's flying a plane.
 B. He's driving a car.
 C. He's riding a skateboard.
 D. He's riding a bike.



2. What's Nina doing?

- A. She's eating food.
 B. She's sleeping.
 C. She's drinking water.
 D. She's riding a bike.



3. What's Ernesto doing?

- A. He's playing tennis.
 B. He's playing basketball.
 C. He's playing football.
 D. He's playing hockey.



4. What's Yasmina doing?

- A. She's baking a cake.
 B. She's jumping.
 C. She's swimming.
 D. She's talking.



5. What's Helena doing?

- A. She's reading a magazine.
 B. She's writing.
 C. She's reading a book.
 D. She's doing her homework.



Exercise 3. Rearrange the following sentences.

(Sắp xếp lại câu.)

0. you / . / cooking / are / → You are cooking.

1. I / riding / . / am →

2. she / reading books / is / . →

3. he / . / driving / is / →

4. . / are / they / cooking →

5. are / they / . / hiking →



Exercise 4. Look, write “is” or “are” in the blanks. Then circle the correct answers.

(Nhìn tranh, viết “is” hoặc “are” vào chỗ trống. Sau đó khoanh tròn câu trả lời đúng.)



1 Is she playing the piano?



2 _____ he dancing?

Yes, she is.



3 _____ the cat drinking milk?

Yes, he is.

No, she isn't.



4 _____ they watching TV?

Yes, it is.

No, he isn't.



5 _____ she eating ice cream?

Yes, they are.

No, it isn't.



6 _____ he talking on the phone?



7 _____ the monkey sleeping?

Yes, she is.



8 _____ the dogs running?

Yes, he is.

No, she isn't.

Yes, it is.

No, he isn't.

Yes, they are.

No, it isn't.

No, they aren't.

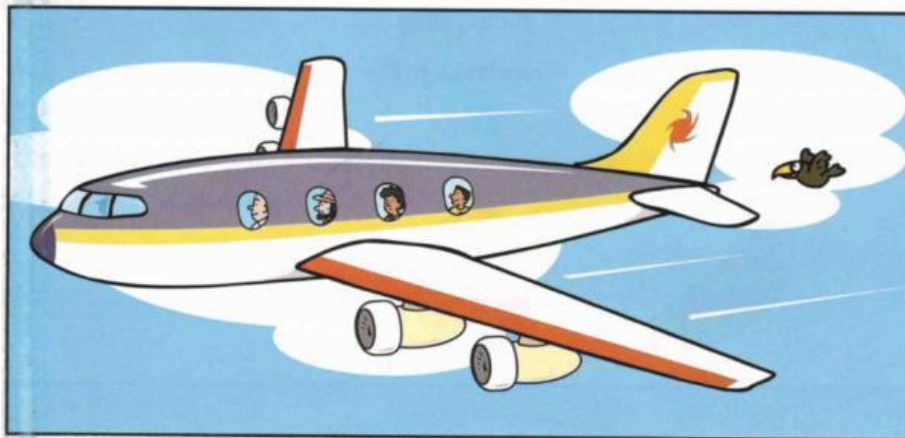
READING PRACTICE (5 questions)

Look at the pictures from CLASSWORK (page 2-3) again. Read and write YES or NO.

(Nhìn lại ảnh từ phần CLASSWORK (trang 2-3). Đọc và viết YES hoặc NO.)



0. The man is eating a banana. → YES
1. The boy is playing with a bag. →



2. The plane is flying. →
3. The bird is inside the plane. →



4. The girl is wearing a yellow swimsuit. →
5. The ball is pink. →